

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 388/2023/HS-ST

Ngày: 18/09/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Quốc Hưng
- Bà Võ Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 366/2023/HSST ngày 25/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2023/QĐXXST-HS ngày 05/9/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Đình D; tên gọi khác: Không; giới tính: **N**; sinh năm: 1984 tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**; Nơi cư trú: **Số I Đường số F, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông **Nguyễn Thanh N1**, sinh năm: 1956 và bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm: 1957; bị cáo có vợ là **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1984, có 02 con, lớn nhất sinh năm: 2013, con nhỏ nhất sinh năm: 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2023, đến ngày 07/04/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ông **Dương Quang Hoàng V** (chết).

Người đại diện hợp pháp của anh **V**: Bà **Nguyễn Thị V1**, sinh năm: 1968 – Là vợ bị hại (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: số B đường số A, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Công V2, sinh năm: 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Số E đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: B đường T, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 23/7/2022, Nguyễn Đình D có giấy phép lái xe hạng B2 điều khiển xe ô tô bán tải biển số 51D-384.67 lưu thông trên đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng từ ngã ba G về ngã ba M trong tình trạng đã sử dụng bia. Khi gần đến giao lộ đường N và đường A, phường L, thành phố T, bị cáo D điều khiển xe lưu thông qua phần đường ngược chiều và vượt trái xe ô tô tải biển số 51C-709.56 do anh Lê Công V2 đang điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước. Trong quá trình vượt xe, D đã để xe ô tô bán tải va chạm với xe máy điện biển số 17MD9-003.06 do ông Dương Quang Hoàn V3 điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước xe ô tô tải biển số 51C-709.56 và đang chuyển hướng rẽ trái. Sau khi xảy ra va chạm, ông V3 ngã xuống mặt đường và bị bánh ngoài bên trái trực sau xe ô tô tải biển số 51C-709.56 cán qua đầu dẫn đến tử vong.

Công văn số 2395/TTQLĐB-QLHT2 ngày 31/8/2022 của Trung tâm Q thuộc Sở G có nội dung như sau:

Đường N (từ đường L đến đường N): có bề rộng trung bình 7 - 9 mét, lưu thông hai chiều cho tất cả các loại xe; Hiện trên tuyến đang cấm xe tải trên 2.5 tấn lưu thông trong các giờ cao điểm, sáng từ 6h00 đến 9h00, chiều từ 16h00 đến 20h00.

Kết luận giám định số 4910/KL-KTHS ngày 27/10/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. có nội dung như sau:

Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 51C-709.56 với xe ô tô biển số 51D-384.67.

Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 51C-709.56 với xe máy điện biển số 17MD9-003.06.

Dấu vết trượt xước, mất sơn màu xanh mặt ngoài bên phải thân xe ô tô biển số 51D-384.67, có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết trượt xước, bám chất màu xanh phía sau đầu tay lái và tay phanh bên trái xe máy điện biển số 17MD9-003.06, có chiều từ sau về trước. Đây là vị trí va chạm đầu tiên của 02 phương tiện.

Dấu vết trượt sạch bụi mặt ngoài bánh sau bên phải xe ô tô biển số 51D-384.67 có chiều từ mặt lặn vào tâm ngược chiều quay tiến của bánh xe phù hợp với dấu vết trượt bụi, bám chất màu đen bên trái lốp bánh trước, giảm xóc trước bên trái xe máy điện biển số 17MD9-003.06, có chiều từ sau về trước, từ trái sang phải, va chạm khi xe máy điện biển số 17MD9-003.06 ngã phải xuống mặt đường.

Dấu vết trượt xước, gãy vỡ các chi tiết bên phải xe máy điện biển số 17MD9003.06 (sàn để chân, ốp nhựa thân xe, để chân sau, đèn chuyển hướng) có chiều từ phải sang trái phù hợp va chạm với mặt đường.

Khi xảy ra tai nạn, xe ô tô biển số 51C-709.56 chuyển động thẳng đứng trên đường N hướng từ ngã ba G đi ngã ba M, xe ô tô biển số 51D-384.67 chuyển động phía sau cùng chiều và đang vượt trái; xe máy điện biển số 17MD9-003.06 chuyển động ở trạng thái đứng phía trước cùng chiều với xe ô tô biển số 51C-709.56 và đang rẽ trái.

Xe ô tô biển số 51D-384.67 không cán qua mũ bảo hiểm và người nạn nhân Dương Quang Hoàn V3.

Bánh ngoài bên trái trục sau xe ô tô biển số 51C-709.56 cán qua mũ bảo hiểm và đầu nạn nhân Dương Quang Hoàn V3.

Vị trí va chạm giữa xe ô tô biển số 51D-384.67 với xe máy điện biển số 17MD9. 003.06 nằm trước dấu vết cày kỹ hiệu số 2 và thuộc phần đường bên trái đường N theo hướng từ ngã ba G đi ngã ba M.

Vị trí va chạm giữa xe ô tô biển số 51C-709.56 với mũ bảo hiểm và đầu nạn nhân Dương Quang Hoàn V3 thuộc phần đường bên phải đường N theo hướng từ Ngã ba G đi Ngã ba M.

Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 51C-709.56, xe ô tô biển số 51D-384.67, xe máy điện biển số 17MD9-003.06 với phương tiện khác.

Tại thời điểm xảy ra va chạm, xe ô tô biển số 51D-384.67 chuyển động nhanh hơn xe ô tô biển số 51C-709.56 và xe máy điện biển số 17MD9-003.06.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 1302/TT.22 ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Trung tâm Pháp y Thành phố H kết luận nguyên nhân chết của ông Dương Quang Hoàn V3 là do đa chấn thương.

Kiểm tra nồng độ cồn đối với Nguyễn Đình D là 0,132 mg/L khí thở.

Vật chứng vụ án:

- 01 đoạn video có thời lượng 09 giây ghi lại hình ảnh, diễn biến liên quan đến vụ tai nạn giao thông, người cung cấp là anh Trương Văn T .

- 01 đoạn video có thời lượng 16 giây ghi lại hình ảnh, diễn biến liên quan đến vụ tai nạn giao thông, người cung cấp là anh Trần Viết T1 .

- 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Đình D;

- 01 xe máy điện nhãn hiệu M133S, màu đen, biển số 17MD9-003.06, số máy: KHONGCO, số khung: 17MD900306.

- 01 xe bán tải nhãn hiệu FORD RANGER, màu xanh, biển số: 51D-384.67, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số: 51D-384.67.

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, số loại K165, màu trắng, biển số 51C-709.56, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 51C-709.56 và 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên **Lê Công V2**.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **D** và gia đình đã hỗ trợ, bồi thường cho gia đình bị hại **V3** số tiền 240.000.000 đồng, gia đình bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo **D** và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ngoài ra, bà **V1** đề nghị ông **Lê Công V2** hỗ trợ số tiền 60.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông **V2** mới hỗ trợ được số tiền 20.000.000 đồng. Ông **V2** đồng ý khi nào có điều kiện sẽ hỗ trợ thêm số tiền 40.000.000 đồng cho bà **V1**.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với các kết luận giám định, biên bản thực nghiệm điều tra, quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Bản Cáo trạng số 349/CT-VKS-TPTĐ ngày 16/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo **Nguyễn Đình D** về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình D** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông **V2** đồng ý hỗ trợ cho bà **V1** số tiền 40.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của ông **V2** nên đề nghị ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo **D** 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên **Nguyễn Đình D**. Các vật chứng khác xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tự bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị V1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét đơn xin vắng mặt của bà V1 là hợp lệ, đồng thời đã có lời trình bày trong quá trình điều tra và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại.

[2] Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản kết luận giám định....và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 23/7/2022, bị cáo Nguyễn Đình D (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe ô tô bán tải biển số 51D-384.67 lưu thông trên đường N, phường L, thành phố T theo hướng từ ngã ba G về ngã ba M trong tình trạng đã sử dụng bia (nồng độ còn 0,132 mg/L khí thở), lưu thông không đúng phần đường, vượt xe không đúng quy định nên đã xảy ra va chạm với xe máy điện biển số 17MD9-003.06 do ông Dương Quang Hoàn V3 điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước và đang chuyển hướng sang trái. Hậu quả làm ông V3 ngã xuống mặt đường và bị xe ô tô biển số 51C-709.56 do ông Lê Công V2 điều khiển lưu thông cùng chiều cán qua đầu dẫn đến tử vong. Hành vi của bị cáo D đã vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật Giao thông đường bộ.

Hành vi nêu trên của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông **Lê Công V2** điều khiển xe ô tô có giấy phép lái xe theo quy định pháp luật, chấp hành đúng quy định theo Luật giao thông đường bộ. Việc ông **V3** té ngã là do va chạm trước với xe ô tô do bị cáo **D** điều khiển và sau đó bị xe ô tô do ông **V2** điều khiển cán qua đầu dẫn đến tử vong. Sự việc xảy ra bất ngờ nên ông **V2** không kịp xử lý, hậu quả xảy ra là ngoài ý muốn của ông **V2**. Đây là sự kiện bất ngờ được quy định tại Điều 20 Bộ luật Hình sự. Do đó, ông **V2** không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt:

Bị cáo **D** điều khiển xe trong tình trạng có sử dụng bia với nồng độ cồn 0,132 mg/L khí thở nên bị truy tố, xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại nên áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, được đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương, cha bị cáo là ông **Nguyễn Thanh N1** được tặng thưởng Huân chương chiến công giải phóng, là người có công với cách mạng nên xem xét áp dụng các quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hình phạt đối với bị cáo:

Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý, hành vi của bị cáo đã xâm phạm an toàn giao thông công cộng, trật tự công cộng, làm thiệt hại đến tính mạng của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo cũng đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo bản thân, sửa chữa sai lầm. Đồng thời, tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 xe máy điện nhãn hiệu M133S, màu đen, biển số 17MD9-003.06, số máy: KHONGCO, số khung: 17MD900306. Kết quả xác minh: Chiếc xe do chị **Hoàng Diệu L** đứng tên chủ xe. Khoảng tháng 01/2022, chị **L** bán xe trên cho ông **Dương Quang H1 V3** với giá 6.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 31/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã trả lại cho bà **Nguyễn Thị V1** là người đại diện hợp pháp của ông **V3** là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với: 01 xe bán tải nhãn hiệu FORD RANGER, màu xanh, biển số: 51D-384.67 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số: 51D-384.67. Kết quả xác minh xe ô tô biển số 51D-384.67 là tài sản của **Công ty Cổ phần S**. Công ty giao cho nhân viên lái xe là **Nguyễn Đình D** quản lý, sử dụng cho các hoạt động của Công ty. Ngày 31/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 298/QĐ-ĐTTH bằng hình thức trả chiếc xe và giấy kiểm định lại cho anh **Đặng Hồng K1** là người đại diện theo pháp luật của **Công ty Cổ phần S** là đúng quy định.

- Đối với: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, số loại K165, màu trắng, biển số 51C-709.56 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 51C-709.56 và 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên **Lê Công V2**. Kết quả xác minh xe ô tô biển số: 51C-709.56 là tài sản của **Công ty cổ phần T3**. Ngày 23/7/2022, **Công ty T3** giao cho ông **Lê Công V2** điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-709.56 đi giao hàng tại khu vực **thành phố T**. Ngày 31/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 299/QĐ-ĐTTH bằng hình thức trả chiếc xe và giấy kiểm định lại cho anh **Tô Thành T2** là người đại diện theo pháp luật của **Công ty Cổ phần T3**; trả giấy phép lái xe lại cho ông **Lê Công V2** là đúng quy định.

- Đối với: 01 đoạn video có thời lượng 09 giây ghi lại hình ảnh, diễn biến liên quan đến vụ tai nạn giao thông, người cung cấp là anh **Trương Văn T** và 01 đoạn video có thời lượng 16 giây ghi lại hình ảnh, diễn biến liên quan đến vụ tai nạn giao thông, người cung cấp là anh **Trần Viết T1**. Xét đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ.

- Đối với: 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 790051036290 do **Sở Giao thông vận tải Thành phố G** cấp ngày 26/7/2019 mang tên bị cáo. Xét trả lại cho bị cáo **D** là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo và gia đình đã hỗ trợ cho gia đình bị hại số tiền là số tiền 240.000.000 đồng, gia đình bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo **D** và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa ông **Lê Công V2** đồng ý hỗ trợ cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện hỗ trợ của ông **V2** nên ghi nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo **D**, ông **V2** được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 106; Điều 135; Điều 136; khoản 1 Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Luật Thi hành án hình sự.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình D** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình D** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án là ngày 18/9/2023.

Giao bị cáo **D** cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 198/2023/HSST-BPNC ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí

Minh cho đến khi bị cáo nhận được quyết định thi hành án hoặc quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn khác của Cơ quan có thẩm quyền.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo **D**: 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 790051036290 do **Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 26/7/2019 mang tên **Nguyễn Đình D** (đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

4. Về án phí:

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo **Nguyễn Đình D**, ông **Lê Công V2** được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người đại diện hợp pháp của bị hại bà **Nguyễn Thị V1** vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo rõ)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chỉ cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Trung Thực